|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  Số /2018/TT-BGTVT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, Ngày tháng năm 2018* |

DỰ THẢO

**THÔNG TƯ**

**Quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr - CĐSVN ngày /10/2017 của Cục Đường sắt Việt Nam)*

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về việc vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về việc vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hành khách là người đi tàu có vé đi tàu hợp lệ.

2. Vé cứng là vé do doanh nghiệp phát hành dưới hình thức in sẵn giao cho hành khách đi tàu.

3.Vé điện tử là vé do doanh nghiệp phát hành, được lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử và là căn cứ để doanh nghiệp cấp chỗ lên tàu cho hành khách.

4. Bán vé điện tử là hình thức bán vé qua mạng Internet tại địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng đường sắt mà người mua có thể không phải trực tiếp đến các địa điểm bán vé của doanh nghiệp.

5. Hành lý là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu mang theo trong cùng một chuyến đi, gồm hành lý xách tay và hành lý ký gửi.

6. Hành lý xách tay là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu được mang theo người lên toa xe khách.

7. Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng chuyến tàu.

8. OSJD là Tổ chức hợp tác đường sắt mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

9. Trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe là khối lượng tối đa cho phép chở trên toa xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

10.Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù doanh nghiệp, hành khách đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong vận tải đường sắt, trường hợp bất khả kháng xảy ra do thiên tai, địch họa, dịch bệnh hoặc vì lý do bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, tắc đường vận chuyển không do lỗi của doanh nghiệp, hành khách.

**Chương II**

**VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

**Điều 4. Vé hành khách**

1. Vé hành khách là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận tải hành khách, hành lý. Vé hành khách, hành lý do doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng đường sắt (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) phát hành theo mẫu đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Vé hành khách được phát hành theo hình thức vé cứng và vé điện tử.

2. Khi sử dụng vé cứng do doanh nghiệp phát hành không bị tẩy, xóa, sửa chữa, còn đủ các thông tin và phải đi đúng chuyến tàu, thời gian ghi trên vé. Trường hợp có sửa chữa, tẩy xóa trên vé phải có xác nhận của doanh nghiệp.

3. Khi sử dụng vé điện tử, doanh nghiệp phải thông báo công khai và hướng dẫn các quy định cụ thể cho hành khách cách sử dụng; quy định về vé hợp lệ; vé không hợp lệ, quy định và hướng dẫn cách giải quyết các phát sinh cho hành khách như việc trả vé, đổi vé, nhỡ tàu, nhầm tàu thay đổi chỗ trên tàu, tắc đường, để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của hành khách và của doanh nghiệp như các hình thức vé khác.

**Điều 5. Quy định về bán vé hành khách**

1. Doanh nghiệp phải tổ chức bán vé tàu tại nhiều địa điểm, nhiều ngày trước thời điểm tàu chạy theo quy định của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho người mua vé.

2. Doanh nghiệp tổ chức bán vé tàu theo các hình thức:

a) Bán vé trực tiếp tại các địa điểm bán vé của doanh nghiệp;

b) Bán vé trực tuyến qua Internet;

c) Bán vé theo các hình thức khác do doanh nghiệp quy định.

3. Khi doanh nghiệp yêu cầu, người mua vé phải xuất trình giấy tờ tùy thân có dán ảnh được pháp luật công nhận hoặc các giấy tờ khác có đầy đủ các thông tin cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp. Trường hợp mua vé trực tuyến qua Internet, người mua vé phải cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để có thể xác định được chủ sở hữu vé điện tử theo quy định của doanh nghiệp.

**Điều 6. Mua vé đi tàu tập thể**

1. Tổ chức có nhu cầu mua vé cho tập thể đi trên cùng một chuyến tàu phải lập danh sách ghi rõ họ tên từng người trong đoàn và họ tên trưởng đoàn để phối hợp với doanh nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hành trình đi tàu.

2. Khi bán vé cho tập thể, doanh nghiệp phải cấp vé cho từng thành viên trong đoàn theo mức giá vé tương ứng với loại chỗ, ga đi, ga đến, loại tàu ghi trên vé của hành khách.

**Điều 7. Mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe khách**

Khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe thì thực hiện như sau:

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Việc mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe được thực hiện theo thỏa thuận với doanh nghiệp đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho hành khách mua vé đi tàu và phù hợp với khả năng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

**Điều 8. Ưu tiên xếp hàng mua vé đi tàu**

Đối tượng được ưu tiên xếp hàng trực tiếp mua vé đi tàu được quy định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1. Người có bệnh nặng mà có yêu cầu của cơ quan y tế phải nhanh chóng chuyển đi.

2. Thương binh, bệnh binh.

3. Người khuyết tật.

4. Phụ nữ có thai.

5. Người đi tàu kèm trẻ nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

6. Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

7. Người già từ đủ 60 tuổi trở lên.

8. Các đối tượng ưu tiên khác do doanh nghiệp quy định.

**Điều 9. Vé bổ sung**

1. Các trường hợp hành khách trên tàu phải mua vé bổ sung:

a) Hành khách muốn đi quá ga đến ghi trên vé;

b) Hành khách muốn đổi chỗ từ hạng thấp lên hạng cao;

c) Người đi tàu không có vé hoặc vé không hợp lệ.

2. Doanh nghiệp bán vé tàu bổ sung cho hành khách trên tàu thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này trên cơ sở khả năng đáp ứng của doanh nghiệp và không ảnh hưởng đến hành khách khác và thực hiện theo quy định của doanh nghiệp.

3. Trường hợp doanh nghiệp không thể bán vé bổ sung cho hành khách trên tàu do không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, hành khách phải xuống tàu khi tàu chưa chạy hoặc xuống ga gần nhất tàu có đỗ và phải thanh toán các chi phí theo quy định của doanh nghiệp.

**Điều 10. Trả lại vé, đổi vé đi tàu**

1. Hành khách có quyền trả lại vé, đổi vé, trước giờ tàu chạy theo quy định của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, mức khấu trừ tương ứng với thời gian trả lại vé, đổi vé và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại vé, đổi vé của hành khách.

**Điều 11. Cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt**

1. Các trường hợp đặc biệt được cấp vé đi tàu:

a) Thẻ công vụ hoặc Giấy đi tàu một lần miễn phí do Tổ chức OSJD cấp;

b) Thẻ công vụ do doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách cấp theo quy định của doanh nghiệp.

2. Người được cấp Thẻ công vụ, Giấy đi tàu một lần miễn phí theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm xuất trình các Giấy tờ trên kèm theo Giấy tờ tùy thân có dán ảnh theo quy định của pháp luật để được cấp vé đi tàu.

3. Doanh nghiệp cấp vé đi tàu cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của từng loại thẻ công vụ, Giấy đi tàu.

**Chương III**

**VẬN TẢI HÀNH LÝ**

**Điều 12. Quy định về hành lý**

1. Hành khách không phải trả tiền vận chuyển đối với hành lý xách tay trong phạm vi khối lượng và chủng loại theo quy định của doanh nghiệp.

2. Hành khách phải mua vé hành lý trong các trường hợp sau:

a) Khi hành lý xách tay vượt quá trọng lượng tối đa cho phép theo quy định của doanh nghiệp;

b) Hành lý ký gửi theo tàu.

3. Trường hợp khi khối lượng vận chuyển cho phép của hành lý xách tay của hành khách đã có các quy định theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 13. Điều kiện vận chuyển hành lý**

1. Hành lý được vận chuyển phải tuân thủ các quy định nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 của Thông tư này.

2. Hành lý xách tay do hành khách đóng gói phải có đồ chứa đựng và được để đúng nơi quy định trên toa hành khách, do hành khách tự bảo quản.

3. Hành lý ký gửi phải có đầy đủ tên được hành khách kê khai, đóng gói theo quy cách của tờ kê khai gửi hàng, kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng không vượt quá quy định của doanh nghiệp. Người gửi hàng phải tự chịu trách nhiệm về việc kê khai hành lý của mình.

4. Hành khách đã có vé đi tàu và có vé hành lý ký gửi đúng quy định.

5. Hành lý là hàng hóa không thuộc loại bị nghiêm cấm vận chuyển trong hoạt động đường sắt, trường hợp hàng hóa là hàng nguy hiểm, động vật sống, thi hài, hài cốt phải tuân thủ các quy định của Luật Đường sắt.

6. Đóng gói hành lý đúng quy định. Kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng không được vượt quá quy định của doanh nghiệp và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Hành lý ký gửi phải do người gửi đóng gói chắc chắn theo quy định của doanh nghiệp để bảo đảm không bị hư hỏng, hao hụt, mất mát trong quá trình vận chuyển;

b) Bên ngoài bao gói của hành lý ký gửi phải có các thông tin sau: Họ tên,số Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước, địa chỉ của hành khách và số điện thoại, số fax (nếu có), số hiệu vé hành lý ký gửi ký hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa;

c) Trước khi nhận vận chuyển, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hàng, bao gói và yêu cầu sửa chữa, bổ sung cho đúng quy định, Trường hợp nghi ngờ về tính xác thực của hàng hóa chứa bên trong, doanh nghiệp được quyền yêu cầu hành khách, người gửi hành lý ký gửi mở bao gói để kiểm tra;

d) Doanh nghiệp quy định những loại hành lý ký gửi không bắt buộc phải đóng gói khi vận chuyển.

**Điều 14. Xác định tên hành lý ký gửi**

Người gửi hành lý ký gửi có trách nhiệm ghi đúng tên hàng hóa trong tờ khai gửi hàng. Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do khai không đúng tên hàng.

**Điều 15. Thủ tục gửi hành lý ký gửi**

1. Khi gửi hành lý ký gửi hành khách phải ghi đúng, đủ nội dung của tờ khai gửi hàng theo mẫu do doanh nghiệp quy định.

2. Hành khách phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa trong hành lý ký gửi.

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra bao bì, số lượng, ký hiệu, mã hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa và xác nhận vào tờ khai gửi hàng.

**Điều 16. Trách nhiệm xếp dỡ, bảo quản hành lý ký gửi**

Việc xếp, dỡ, bảo quản hành lý ký gửi do doanh nghiệp chịu trách nhiệm. Doanh nghiệp được thu tiền xếp, dỡ theo quy định của doanh nghiệp.

**Điều 17. Giao trả hành lý ký gửi**

1. Khi nhận hành lý ký gửi, hành khách phải kiểm tra hành lý, xuất trình vé hành lý và trả lại doanh nghiệp thẻ gửi hàng đã giao cho hành khách.

2. Trường hợp hành khách bị mất vé hành lý, thẻ gửi hàng thì phải xuất trình giấy tờ tùy thân theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp để được nhận hành lý.

3. Trường hợp hành lý ký gửi bị hư hỏng, mất mát, sai khác so với nội dung đã được kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này, hành khách phải kịp thời báo và lập biên bản xác nhận hiện trạng với người đại diện bên giao hành lý ký gửi của doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi nhất để hành khách và người gửi nhận hành lý ký gửi.

**Điều 18. Vận tải hành khách, hành lý Quốc tế**

Việc vận tải hành khách, hành lý quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Đường sắt và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 19. Vận chuyển hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng có kết nối vào đường sắt quốc gia và ngược lại**

1. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chủ trì, phối hợp với chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia để thống nhất tải trọng, tốc độ, biểu đồ chạy tàu và tổ chức điều hành giao thông vận tải đảm bảo thông suốt, an toàn theo biểu đồ chạy tàu.

2. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý từ đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng và ngược lại.

3. Doanh nghiệp vận tải hành khách, hành lý từ đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia phải có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ sự điều hành thống nhất, tập trung của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng;

b) Thực hiện các quy định có liên quan đến hoạt động vận tải đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Ngoài việc tuân thu các quy định khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này việc vận chuyển hành khách, hành lý trên đường sắt chuyên dùng có kết nối vào đường sắt quốc gia còn phải thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

**Chương IV**

**GIẢI QUYẾT SỰ CỐ, TRỞ NGẠI**

**Mục 1**

**ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

**Điều 20. Hành khách ngừng đi tàu ở ga dọc đường**

1. Trường hợp hành khách đi tàu vì lý do ốm đau trên tàu không thể tiếp tục hành trình buộc phải xuống ga dọc đường, Trưởng tàu phải có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức sơ cứu cho hành khách.

b) Xác nhận để hành khách đi tiếp bằng chuyến tàu khác hoặc được doanh nghiệp trả lại tiền đối với quãng đường chưa đi còn lại mà hành khách chưa đi theo vé mà hành khách đã mua.

2. Trường hợp vì lý do cá nhân hành khách phải xuống tàu ở ga dọc đường có đỗ ngoài quy định tại khoản 1 Điều này thì hành khách không được hoàn trả lại tiền đối với quãng đường chưa đi theo vé mà hành khách đã mua.

**Điều 21.Thay đổi chỗ trên tàu**

1. Trường hợp thay đổi chỗ của hành khách trên tàu so với vé của hành khách đã mua do lỗi của doanh nghiệp, thì giải quyết như sau:

a) Phải được sự đồng ý của hành khách đã mua vé. Trường hợp hành khách không đồng ý thì doanh nghiệp không được gây khó khăn cho hành khách.

b) Trường hợp hành khách đồng ý chuyển từ vé hạng cao xuống vé hạng thấp thì doanh nghiệp phải hoàn trả tiền chênh lệch của hai loại vé này trên đoạn đường hành khách đã sử dụng chỗ có vé hạng thấp. Ngược lại, hành khách không phải trả tiền chênh lệch của hai loại vé này.

2. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, doanh nghiệp phải kịp thời bố trí tàu, toa xe thay thế hoặc kết hợp với các phương tiện vận tải khác để vận chuyển hành khách, hành lý theo hành trình.

**Điều 22. Mất vé khi đi tàu**

1. Trường hợp khi đi tàu hành khách bị mất vé cứng thì giải quyết như sau:

a) Hành khách bị mất vé phải báo cho nhân viên của doanh nghiệp. Trường hợp hành khách chứng minh được quyền sở hữu vé, doanh nghiệp có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận để hành khách tiếp tục đi tàu theo mẫu do doanh nghiệp quy định;

b) Trường hợp hành khách không chứng minh được quyền sở hữu vé thì hành khách phải mua vé bổ sung theo quy định của doanh nghiệp hoặc hành khách phải xuống tàu tại ga gần nhất tàu có đỗ.

2. Trường hợp khi hành khách bị mất vé điện tử khi làm thủ tục lên tàu thì giải quyết như sau:

a) Hành khách phải cung cấp cho doanh nghiệp tại ga đi các thông tin của mình đã thực hiện khi mua vé;

b) Trên cơ sở dữ liệu quản lý vé điện tử đã bán cho hành khách của đoàn tàu, đại diện doanh nghiệp tại ga cung cấp lại vé cho hành khách đã mua.

**Điều 23. Hành khách bị nhỡ tàu**

1. Hành khách bị nhỡ tàu không do lỗi của doanh nghiệp thì vé không còn giá trị sử dụng. Doanh nghiệp quy định cụ thể các trường hợp nhỡ tàu do nguyên nhân khách quan và các biện pháp giải quyết để hỗ trợ hành khách.

2. Hành khách bị nhỡ tàu do lỗi của doanh nghiệp thì giải quyết như sau:

a) Đại diện của doanh nghiệp xác nhận vào vé, bố trí để hành khách đi chuyến tàu sớm nhất có quy định dừng ở ga đến ghi trên vé của hành khách. Doanh nghiệp có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch giữa tiền ghi trên vé của hành khách và tiền của loại chỗ thực tế trên tàu mà doanh nghiệp bố trí cho hành khách, trường hợp chỗ thực tế do doanh nghiệp có hạng cao hơn vé của hành khách thì hành khách không phải trả thêm tiền;

b) Hành khách có thể yêu cầu đổi vé đi vào ngày khác cùng loại tàu tương đương với vé đã mua và chỉ được thay đổi một lần;

c) Trường hợp hành khách không tiếp tục chờ đi tàu, doanh nghiệp phải trả toàn bộ tiền vé (nếu nhỡ tàu ở ga đi) hoặc tiền vé trên đoạn đường chưa đi (nếu nhỡ tàu ở ga dọc đường);

d) Doanh nghiệp quy định việc hỗ trợ hành khách như ăn, uống, ngủ, nghỉ trong thời gian hành khách chờ đi tàu.

**Điều 24. Tàu bị tắc đường**

Khi có sự cố gây tắc đường, trừ những trường họp bất khả kháng thì giải quyết như sau:

1. Tại ga hành khách lên tàu:

a) Hành khách có quyền từ chối đi tàu và yêu cầu doanh nghiệp trả lại toàn bộ tiền đã được ghi trên vé;

b) Nếu hành khách chấp nhận chờ để đi tàu, doanh nghiệp phải bố trí để hành khách được đi tàu sớm nhất.

2. Trên đường vận chuyển:

a) Trường hợp hành khách muốn trở về ga xuất phát, doanh nghiệp phải bố trí đưa hành khách trở về ga xuất phát bằng chuyến tàu đầu tiên hoặc bố trí phương tiện vận tải khác để đưa khách về ga xuất phát, hành khách không phải trả tiền vé trong trường hợp này. Doanh nghiệp phải trả lại toàn bộ tiền vé mà hành khách đã mua;

b) Trường hợp hành khách xuống tàu tại ga mà tàu phải đỗ lại và yêu cầu trả lại tiền vé thì doanh nghiệp phải trả lại tiền vé đối với đoạn đường mà hành khách chưa đi;

c) Trường hợp hành khách chờ đợi ở ga mà tàu phải đỗ lại để chờ đi tiếp, doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu như: ăn, uống miễn phí cho hành khách trong suốt thời gian chờ đợi ở ga;

d) Trường hợp doanh nghiệp phải tổ chức chuyển tải, thì doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho hành khách như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

3. Thời hạn hoàn trả tiền vé không quá 15 ngày, kể từ ngày hành khách xuống tàu.

4. Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố, niêm yết công khai địa điểm, phương thức, thời gian hoàn trả tiền đảm bảo sự thuận tiện cho hành khách.

**Mục 2**

**ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNH LÝ**

**Điều 25. Xử lý hành lý ký gửi không có người nhận**

1. Xử lý hành lý ký gửi không có người nhận

a) Trong thời hạn không quá 02 giờ (đối với hành lý không qua kho) và không quá 24 giờ (đối với hành lý qua kho) tính từ khi tàu đoàn tàu chở hành lý ký gửi đến ga đến mà không có người nhận hoặc người nhận từ chối nhận hàng thì doanh nghiệp có quyền gửi hành lý ký gửi vào kho hành lý; mọi chi phí phát sinh do hành khách có hành lý ký gửi chịu;

b) Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày hành lý ký gửi đến ga đã được ghi trên vé mà hành khách không đến nhận hành lý hoặc hành khách không thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình bảo quản, lưu kho, bãi của hành lý theo quy định của doanh nghiệp thì doanh nghiệp thực hiện thanh lý, đấu giá theo thỏa thuận hợp đồng với hành khách. Việc thanh lý, đấu giá phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Đối với hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa mau hỏng theo quy định của doanh nghiệp, thì trong thời hạn không quá 02 giờ (đối với hành lý không qua kho) và không quá 24 giờ (đối với hành lý qua kho) tính từ khi đoàn tàu chở hành lý ký gửi đến ga mà hành khách không đến nhận thì được coi là hành lý không có người nhận. Doanh nghiệp được miễn trách nhiệm về việc hàng hóa hư hỏng, hao hụt và được làm thủ tục giải quyết theo quy định của Pháp luật.

**Điều 26. Thay đổi vận chuyển hành lý ký gửi**

1. Sau khi đã làm thủ tục gửi hành lý ký gửi, hành khách có thể thay đổi, điều chỉnh ga đến, toàn bộ hoặc một phần hành lý ký gửi theo vé hành khách nhưng phải làm thủ tục thay đổi, điều chỉnh với doanh nghiệp trước khi hành lý ký gửi được xếp lên toa xe.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với hành khách để làm thủ tục thay đổi, điều chỉnh gửi hành lý ký gửi.

3. Thời hạn yêu cầu thay đổi, điều chỉnh và các quy định khác để thay đổi, điều chỉnh vận chuyển hành lý ký gửi do doanh nghiệp quy định.

**Điều 27. Hành lý ký gửi thuộc loại hàng cấm vận chuyển chuyên chở, hàng bị thu giữ**

1. Khi phát hiện hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt theo quy định tại khoản 12 Điều 9 Luật Đường sắt thì xử lý như sau:

a) Trường hợp phát hiện tại ga đi thì doanh nghiệp từ chối vận chuyển và báo cơ quan có thẩm quyền gần nhất để tiếp nhận xử lý;

b) Trường hợp phát hiện khi đang vận chuyển, thì Trưởng tàu và nhân viên bảo vệ trên tàu có trách nhiệm lập biên bản xác nhận, đưa hành lý này về ga gần nhất bàn giao cho nhân viên của doanh nghiệp vận tải tại ga để báo với cơ quan có thẩm quyền gần nhất để tiếp nhận xử lý.

2. Khi phát hiện hành lý ký gửi không đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại các Điều 62, Điều 63, Điều 64 của Luật Đường sắt thì xử lý như sau:

a) Trường hợp phát hiện tại ga đi, doanh nghiệp có quyền yêu cầu hành khách phải tuân thủ các quy định của Luật Đường sắt trước khi thực hiện vận chuyển. Trường hợp hành khách không đáp ứng được những yêu cầu trên thì doanh nghiệp từ chối vận chuyển hành lý nêu trên;

b) Trường hợp phát hiện khi đang vận chuyển, thì Trưởng tàu và nhân viên bảo vệ trên tàu có trách nhiệm lập biên bản xác nhận, đưa hành lý này về ga gần nhất bàn giao cho nhân viên của doanh nghiệp vận tải tại ga phối hợp với hành khách xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện vận chuyển ở chuyến tàu tiếp theo. Hành khách chịu toàn bộ kinh phí xử lý phát sinh trong trường hợp này.

3. Khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu giữ hành lý ký gửi thì đại diện của doanh nghiệp, trưởng tàu, nhân viên bảo vệ trên tàu phải lập biên bản về sự việc và bàn giao cụ thể cho người đại diện cơ quan ra lệnh thu giữ. Mẫu biên bản do doanh nghiệp quy định. Ngoài việc lập biên bản, đối với từng trường hợp được giải quyết như sau:

a) Trường hợp hàng bị thu giữ ở ga đi, nếu hành lý ký gửi chưa xếp lên toa xe thì doanh nghiệp có trách nhiệm báo cho hành khách có hành lý ký gửi đến để giải quyết; nếu hành lý ký gửi đã xếp lên toa xe nhưng tàu chưa chạy thì phải dỡ xuống và báo cho hành khách có hành lý đến để giải quyết;

b) Trường hợp hàng thu giữ khi tàu đang chạy thì được phép vận chuyển đến ga đến và báo cho hành khách có hành lý đến để giải quyết;

c) Trường hợp hàng bị thu giữ ở ga đến,Trưởng tàu, nhân viên bảo vệ trên tàu bàn giao cho nhân viên của doanh nghiệp vận tải nhà ga để báo cho người nhận đến để giải quyết.

4. Ngoài việc chịu các biện pháp xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hành khách vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này còn phải:

a) Trả tiền cước đối với toàn bộ số hàng hóa trên đoạn đường đã vận chuyển theo quy định của doanh nghiệp;

b) Bồi thường toàn bộ các thiệt hại do vi phạm gây ra;

c) Các khoản chi phí phát sinh nếu có.

**Điều 28. Ngừng vận chuyển hành lý ký gửi khi bị tắc đường**

1. Ngừng vận chuyển ở ga gửi:

a) Nếu do nguyên nhân bất khả kháng không thể vận chuyển được, doanh nghiệp trả lại hành lý ký gửi và tiền cước vận chuyển cho người gửi;

b) Nếu do lỗi doanh nghiệp gây ra, phải hủy bỏ việc vận chuyển, doanh nghiệp phải trả lại hành lý ký gửi và tất cả tiền cước, tiền xếp dỡ, các khoản tiền khác đã thu của người gửi.

2. Ngừng vận chuyển ở ga dọc đường:

a) Nếu do nguyên nhân bất khả kháng không thể tiếp tục vận chuyển, người gửi có thể yêu cầu nhận lại hành lý ký gửi tại ga tàu phải dừng hoặc tại ga gửi hoặc tại một ga dọc đường quy định có tác nghiệp hành lý ký gửi. Doanh nghiệp phải hoàn lại tiền cước đối với đoạn đường từ ga dỡ tới ga đến ghi trên vé;

b) Nếu do lỗi của doanh nghiệp mà không thể tiếp tục vận chuyển, người gửi có thể yêu cầu nhận lại hành lý ký gửi, tại ga tàu phải dừng hoặc tại ga gửi hoặc tại một ga dọc đường quy định có tác nghiệp hành lý ký gửi. Việc thanh toán chi phí cho người gửi được thực hiện như sau: Nhận tại ga tàu phải dừng thì doanh nghiệp phải hoàn lại tiền cước trên đoạn đường chưa vận chuyển; nhận tại một ga dọc đường thì đoạn đường quay trở về được miễn cước và doanh nghiệp phải trả lại tiền cước tính từ ga dỡ hành lý ký gửi tới ga đến ghi trên vé; nhận tại ga gửi thì đoạn đường quay trở về được miễn cước, doanh nghiệp phải trả lại toàn bộ tiền cước và tiền xếp dỡ đã thu.

3. Ở ga gửi, ga dọc đường nếu không thể vận chuyển được do trở ngại chạy tàu mà không có yêu cầu của người gửi như quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này thì doanh nghiệp sẽ tiếp tục vận chuyển khi thông đường.

**Điều 29. Bồi thường hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của doanh nghiệp**

1. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt thì được bồi thường một trong các hình thức sau đây:

a) Hành lý ký gửi đã được hành khách kê khai đầy đủ theo hướng dẫn của doanh nghiệp. Chỉ bồi thường đối với phần hành lý bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt so với kê khai ban đầu của hành khách;

b) Không thực hiện bồi thường đối với hành lý ký gửi không được kê khai theo quy định của doanh nghiệp.

2. Việc bồi thường thiệt hại hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của doanh nghiệp và các chi phí phát sinh khác có liên quan được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp và hành khách có hành lý ký gửi thỏa thuận về hình thức và mức bồi thường thiệt hại;

b) Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được theo quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện theo quy định của Luật Đường sắt và Bộ luật dân sự hiện hành.

3. Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này, doanh nghiệp còn phải hoàn lại cho hành khách có hành lý ký gửi toàn bộ tiền cước và chi phí đã thu đối với hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt.

Điều 30. Miễn trách nhiệm bồi thương thiệt hại

Doanh nghiệp được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt trong quá trình vận chuyển trong những trường hợp sau đây:

1. Hành lý ký gửi bị thiếu hụt do đặc tính tự nhiên của hành lý;

2. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của hành khách.

3. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do xảy ra nguyên nhân bất khả kháng.

**Điều 31. Giải quyết tranh chấp**

1. Trong quá trình vận tải hành khách, hành lý ký gửi bằng đường sắt, nếu phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến lợi ích của các bên thì doanh nghiệp và hành khách có hành lý ký gửi giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc khởi kiện ra Tòa án.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Chương V**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ BẰNG ĐƯỜNG SẮT**

**Điều 32. Trách nhiệm của Cục Đường sắt Việt Nam**

1. Tổng hợp số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách trên đường sắt quốc gia và trên đường sắt chuyên dùng có kết nối ray với đường sắt quốc gia báo cáo và định kỳ báo cáo Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

2. Chủ trì phối hợp với cơ quan chức năng để thanh tra, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các tổ chức cá nhân trong quá trình thực hiện Thông tư này.

**Điều 33. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý**

1. Niêm yết tại ga đường sắt, các điểm bán vé tàu và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp những thông tin sau:

a) Giờ tàu, giá vé hành khách, hành lý ký gửi trước thời điểm áp dụng;

b) Hàng hóa là hành lý ký gửi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt ;

c) Hàng hóa là hành lý ký gửi phải thực hiện theo quy định của Điều 62, Điều 63, Điều 64 của Luật Đường sắt;

d) Chủng loại hàng hóa, khối lượng tối đa cho phép của hành lý xách tay được vận chuyển miễn phí; quy cách đóng gói hành lý ký gửi;

đ) Các quy định của doanh nghiệp liên quan đến việc thực hiện Thông tư này.

2. Trong các dịp cao điểm như Lễ, Tết, Hè hoặc do ách tắc giao thông doanh nghiệp được phép xếp chỗ cho hành khách vượt số chỗ trên toa xe nhưng không được phép vượt quá tải trọng cho phép của toa xe, cầu đường và phải được sự cho phép bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phục vụ vận tải đảm bảo an toàn, an ninh cho hành khách đi tàu.

4. Thực hiện việc cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do doanh nghiệp thực hiện gửi Cục Đường sắt Việt Nam để báo cáo Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

6. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia có trách nhiệm là đầu mối chủ trì trong việc tổ chức chạy tàu vận chuyển hành khách hành lý từ đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Tổ chức OSJD; quy định của Nghị định thư hiệp định đường sắt biên giới Việt Nam - Trung Quốc hàng năm.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác của doanh nghiệp theo quy định của Thông tư này và của pháp luật liên quan.

**Điều 34. Trách nhiệm của hành khách**

1. Hành khách có các quyền sau:

a) Được quyền từ chối đi tàu, gửi hành lý, khi:

Doanh nghiệp vi phạm quy định của Thông tư này hoặc các quy định khác thuộc trách nhiệm mà vi phạm đó có thể gây nguy hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến tính mạng, sức khỏe; làm hư hỏng, mất mát hành lý ký gửi của bản thân hành khách hoặc của người khác.

Doanh nghiệp không vận chuyển đúng chuyến tàu, đúng thời gian ghi trên vé nhưng không thương lượng được với hành khách để thay đổi;

b) Ngoài các quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, hành khách, người gửi hành lý ký gửi còn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật Đường sắt và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Hành khách có nghĩa vụ sau đây:

a) Thanh toán các chi phí theo quy định của doanh nghiệp trước khi được vận chuyển. Trong quá trình vận chuyển nếu có phát sinh chi phí phải thanh toán cho doanh nghiệp;

b) Có vé đi tàu hợp lệ;

c) Chấp hành nội quy đi tàu của doanh nghiệp;

d) Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) đi tàu phải có người lớn đi kèm;

đ) Khi có yêu cầu của nhân viên của doanh nghiệp, người đi tàu có trách nhiệm xuất trình vé và giấy tờ hợp lệ khi vào, ra ga, trạm, khi lên tàu, khi ở trên tàu;

e) Người say rượu, người mất trí, người có bệnh truyền nhiễm, người có bệnh tật mà bác sỹ chỉ định không di chuyển hoặc xét thấy có thể nguy hiểm đến bản thân người đó khi đi tàu phải có người đi cùng trông nom và người có bệnh truyền nhiễm đã được cách ly an toàn;

g) Ngoài các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, khoản 2 Điều này hành khách đi tàu còn phải thực hiện các quy định khác tại Khoản 2, Điều 60 Luật Đường sắt và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 35. Chế độ báo cáo**

1. Số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do doanh nghiệp báo cáo về Cục Đường sắt Việt Nam phải được thực hiện theo định kỳ (hàng tháng, quý, năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Kỳ báo cáo.

a) Báo cáo tháng: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng;

b) Báo cáo quý: Từ ngày 01 của tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý;

c) Báo cáo năm: Từ ngày 01 tháng 01 của năm đến hết ngày 31 tháng 12 của năm.

3. Thời gian báo cáo: Trước ngày 10 của tháng liền kề của kỳ báo cáo.

4. Nội dung, biểu mẫu báo cáo: Theo Phụ lục số 1, 2 của Thông tư này và các biểu mẫu khác được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 36. Hiệu Iực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2018.

2.Thông 78/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc vận tải hành khách, hành lý bao gửi trên đường sắt quốc gia hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**Điều 37. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 34; - Văn phòng Chính phủ; - Cơ quan thuộc Chính phủ; - Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Các Thứ trưởng Bộ GTVT; - Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp); - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Công báo; - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; - Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT; - Báo Giao thông, Tạp chí GTVT; - Lưu: VT, Vtải. | **BỘ TRƯỞNG** |

**PHỤ LỤC 1**

**BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm của Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch năm** | | **Thực hiện** | | | | | |
| **Hành khách đi tàu** | **HK. Km** | **Từ đầu năm... đến hết tháng trước** | | **Tháng.../quý.../năm...** | | **Từ đầu năm... đến hết tháng …** | |
| **Hành khách đi tàu** | **HK.Km** | **Hành khách đi tàu** | **HK. Km** | **Hành khách đi tàu** | **HK. Km** |
| Nội địa (ĐSVN) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quốc tế (ĐSVN) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**PHỤ LỤC 2**

**BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VẬN TẢI HÀNH LÝ BẰNG ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm của Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch năm** | | **Thực hiện** | | | | | |
| **Tấn xếp** | **Tấn Km** | **Từ đầu năm... đến hết tháng trước** | | **Tháng.../quý.../năm...** | | **Từ đầu năm... đến hết tháng …** | |
| **Tấn xếp** | **T. Km** | **Tấn xếp** | **T. Km** | **Tấn xếp** | **T. Km** |
| Nội địa (ĐSVN) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quốc tế (ĐSVN) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Điều ….. Quyền của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý**

1. Yêu cầu người đi tàu, hành khách gửi hành lý ký gửi mua vé bổ sung khi không có vé hoặc vé không hợp lệ.

2. Được quyền từ chối, đình chỉ vận chuyển hành khách, hành lý đã có vé trong các trường hợp sau đây:

a) Người đi tàu, hành khách gửi hành lý ký gửi không thực hiện yêu cầu mua vé bổ sung theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) mà không có người lớn đi kèm;

c) Người say rượu, người mất trí, người có bệnh truyền nhiễm, người có bệnh tật mà bác sỹ chỉ định không di chuyển hoặc xét thấy có thể nguy hiểm đến bản thân người đó khi đi tàu (trừ trường hợp có người đi cùng trông nom và người có bệnh truyền nhiễm đã được cách ly an toàn);

d) Do nguyên nhân bất khả kháng hoặc phải vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt theo mệnh lệnh của cơ quan có thẩm quyền như phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ, an ninh, quốc phòng.

đ) Hành khách đi tàu không chấp hành các quy định tại Thông tư này, nội quy đi tàu và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

3. Ngoài các quyền của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý còn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Đường sắt.

**Điều ….. Nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý**

1. Niêm yết tại ga đường sắt, các điểm bán vé tàu và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp những thông tin sau:

a) Giờ tàu, giá vé hành khách, hành lý ký gửi trước thời điểm áp dụng;

b) Hàng hóa là hành lý ký gửi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt ;

c) Hàng hóa là hành lý ký gửi phải thực hiện theo quy định của Điều 62, Điều 63, Điều 64 của Luật Đường sắt;

d) Chủng loại hàng hóa, khối lượng tối đa cho phép của hành lý xách tay được vận chuyển miễn phí; quy cách đóng gói hành lý ký gửi;

đ) Danh mục hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu khách;

đ) Các quy định của doanh nghiệp liên quan đến việc thực hiện Thông tư này.

3. Doanh nghiệp phải có các biện pháp kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo an toàn, an ninh cho hành khách, hành lý, bao gửi trên tàu, dưới ga.

4. Các loại tàu khách phải có những trang thiết bị theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

5. Phục vụ vận tải đảm bảo an toàn, an ninh cho hành khách đi tàu.

6. Thực hiện việc cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do doanh nghiệp thực hiện gửi Cục Đường sắt Việt Nam để báo cáo Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

8. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia có trách nhiệm là đầu mối chủ trì trong việc tổ chức chạy tàu vận chuyển hành khách hành lý từ đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia.

9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Tổ chức OSJD; quy định của Nghị định thư hiệp định đường sắt biên giới Việt Nam - Trung Quốc hàng năm.

10. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4. Khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này hành khách đi tàu còn phải thực hiện các quy định khác tại Khoản 2, Điều 53 Luật Đường sắt và các văn bản pháp luật khác có liên quan.